TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1192/2019/HC-PT
Ngày: 17/12/2019
Vv: "Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Bình.

Các Thẩm phán: Bà Mai Thị Thanh Tú

Bà Lê Thị Thương Huyền.

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hoài Phương - Thư ký Tòa án nhân dân TP. HCM.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tp. HCM tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Tuyến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 17 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP. HCM xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số 56/2016/TLPT-HC ngày 09 tháng 6 năm 2016 về "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng", do bản án hành chính sơ thẩm số 06/2016/HCST ngày 22/02/2016 của Tòa án nhân dân Quận 2 bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5028/2019/QĐPT-HC ngày 16 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 9684/2019/QĐ-PT ngày 15 tháng 11 năm 2019 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5923/2019/QĐPT-HC ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân TP. HCM, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị B. , sinh năm 1941; địa chỉ cư trú: số 99 Trần Quốc Toản, Phường 7, Quận 3, TP. HCM.

Ông Hà Ngọc T. , sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: 223/3 Bùi Thị X. , Phường 1, quận Tân Bình, Tp. HCM là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị B. ; Văn bản ủy quyền được công chứng số 006344 ngày 20/3/2012 tại Phòng công chứng số 1, Tp. HCM; (Có mặt tại phiên tòa).

Người bị kiện:

1. UBND Quận 2, TP. HCM

2. Chủ tịch UBND Quận 2, TP. HCM.

Địa chỉ trụ sở: Số 168 đường Trương Văn Bang, phường Thạnh Mỹ L. , Quận 2, TP. HCM.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Phước H. , Chủ tịch UBND Quận 2, TP. HCM ủy quyền cho ông Huỳnh Thanh Khiết, Phó Chủ tịch UBND quận làm người đại diện theo Văn bản ủy quyền số 5923/GUQ-UBND ngày 14/11/2019 (Vắng mặt tại phiên tòa).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông Trần Tuấn K. ; Phó trưởng ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận 2, TP. HCM;

2. Bà Phan Thị Minh L. ; Trưởng phòng tiếp dân - Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận 2, TP. HCM;

3. Ông Phan Lê Th. ; Nhân viên phòng nghiệp vụ 2 - Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận 2, TP. HCM.

Cùng có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. UBND phường Thạnh Mỹ L. , Quận 2, TP. HCM.

Địa chỉ trụ sở: Số 560 đường Trương Gia M. , phường Thạnh Mỹ L. , Quận 2, TP. HCM.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Đình Tú, Chủ tịch UBND phường Thạnh Mỹ L. , Quận 2, TP. HCM (Vắng mặt tại phiên tòa).

2. Công ty TNHH MTV DVCI Quận 2, TP. HCM.

Địa chỉ trụ sở: Số 936 đường Nguyễn Thị Đ. , phường Thạnh Mỹ L. , Quận 2, TP. HCM.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Ngọc Th. , Giám đốc Công ty TNHH MTV DVCI Quận 2, TP. HCM ủy quyền cho ông Nguyễn Hữu Th. làm người đại diện theo Giấy ủy quyền số 1364/UQ-CI.2 ngày 11/11/2019 (Vắng mặt tại phiên tòa).

3. Ông Nguyễn Văn H. , sinh năm 1938; địa chỉ cư trú: số 99 Trần Quốc Toản, Phường 7, Quận 3, TP. HCM.

Ông Hà Ngọc T. , sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: 223/3 Bùi Thị X. , Phường 1, quận Tân Bình, Tp. HCM là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn H. ; Văn bản ủy quyền được công chứng số 006343 ngày 20/3/2012 tại Phòng công chứng số 1, Tp. HCM; (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 25/10/2011, Đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 01/10/2013, các bản tự khai, biên bản đối thoại và tại phiên tòa, người khởi kiện, bà Nguyễn Thị B. có ông Hà Ngọc T. là người đại diện theo ủy quyền yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định số 10293/QĐ-UBND ngày 19/7/2010 của UBND Quận 2 và Quyết định số 12179/QĐ-UBND-TTr ngày 16/9/2011 của Chủ tịch UBND Quận 2, yêu cầu UBND Quận 2 xét hỗ trợ bằng 40% đối với toàn bộ thửa đất đã thu hồi có diện tích 3.597m^2 theo giá đất ở là 16.200.000đ/m^2, với những lý do sau:

Năm 1999, bà Bửu cùng 26 hộ dân gồm các ông bà Nguyễn Văn H. , Bùi Bảo Tâm, Nguyễn Thị Anh Nhi, Nguyễn Thị Việt Nga, Võ Thị Lệ Hồng, Nguyễn Hữu Bi, Lê Thị Thúy Quỳnh, Châu Ngọc Hòe, Quách Đình Dũng, Võ Hoàng Anh, Lê Thái Hòa, Nguyễn Thanh Sơn, Trần Hồng Hà, Nguyễn Hữu Trí, Thái Thị Ngọc, Nguyễn Xuân Minh, Trần Thị Hồng Châu, Nguyễn Đình Khiết, Nguyễn Thanh Tường, Huỳnh Kim Yến, Nguyễn Hữu Thường, Đào Thu Nga, Đào Hoàng Minh, Lê Thị Hoài Giang, Bùi Quang Lê Dũng, Phạm Khánh Biền, Nguyễn Chiến Thắng, Nguyễn Thị Giới, Vũ Bảo Trâm; Bùi Lê Hương, Bùi Xuân Tuyết Hồng; Nguyễn Đông Hưng, Huyền Tôn Nữ Minh Thuận, Trần Đường, Nguyễn Thanh Tâm, Nguyễn Văn Khấu, Trần Hồng Nga, Nguyễn Thanh Bình, Võ Liên Thanh, Nguyễn Thị Thu Thảo, Hoàng Thị Thùy Lan đã cùng góp vốn làm dự án xây dựng nhà ở tại phường Thạnh Mỹ L. , Quận 2, ủy quyền cho bà Nguyễn Thị B. đại diện lập hồ sơ dự án, trình các cấp thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện dự án trên diện tích 19.452m^2 đất thuộc các thửa 698, 699, 700, 701, 702, 703, 704 tờ bản đồ số 1 (theo tài liệu 299/TTg xã Bình Trưng cũ). Sau khi dự án được phê duyệt, bà Bửu đại diện cho các hộ đã lập thủ tục bồi thường cho 3 hộ dân tại các thửa nêu trên, thủ tục được UBND phường Thạnh Mỹ L. xác nhận ngày 22/9/1999.

Quá trình thực hiện dự án, 26 hộ dân thống nhất để lại diện tích đất 4.418m^2 chờ Nhà nước quy hoạch giải tỏa, đền bù đối với dự án đường liên tỉnh lộ 25B giai đoạn 2. Các hộ đã thống nhất lập ủy quyền cho bà Nguyễn Thị B. đại diện 26 hộ có quyền lợi chung trong diện tích nêu trên được đứng tên kê khai quyền sử dụng đất, đứng tên làm thủ tục nhận đền bù, đứng tên làm thủ tục xin quy hoạch bổ sung để chuyển mục đích sử dụng nếu diện tích sử dụng đất nông nghiệp làm lộ giới còn dư sau khi mở đường. Tất cả các hộ cùng ký tên ủy quyền và giấy ủy quyền có xác nhận của UBND phường Thạnh Mỹ L. , Quận 2 xác nhận ngày 12/11/2001. Ngày 02/04/2002, UBND Quận 2 đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U451810, số vào sổ 02370/QSDĐ đối với diện tích 4.418m^2 gồm 02 thửa: thửa 1696 có diện tích 3.597m^2 và thửa số 1697 có diện tích 821m^2 đứng tên bà Nguyễn Thị B. . Giấy xác nhận pháp lý số 244/UBND-XN ngày 04/6/2010 của UBND phường Thạnh Mỹ L. ghi nhận "Bà Nguyễn Thị B. là đại diện ủy quyền của 26 hộ dân theo giấy ủy quyền lập ngày 12/11/2001, đại diện lập các thủ tục sử dụng đất 4.418m^2 trong đó diện tích 3.567m^2 nằm trong lộ giới đường liên tỉnh lộ 25B giai đoạn 2 đã được cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất". Bà Bửu là người đại diện theo ủy quyền của 26 hộ dân, không phải là đất của cá nhân nhưng UBND Quận 2 chỉ bồi thường hỗ trợ thiệt hại cho bà Bửu là không đúng với quy định pháp luật.

Ngày 19/4/2010, UBND Quận 2 ban hành Quyết định số 4840/QĐ-UBND-TNMT về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị B. để tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng chuẩn bị thực hiện dự án mở rộng Liên tỉnh lộ 25B (giai đoạn II) tại các phường An Phú, Bình Trưng Tây, Thạnh Mỹ L. và Cát Lái quận 2. Diện tích thu hồi 3.597 m^2, thuộc thửa 1696 Tờ bản đồ số 12 (tài liệu chỉnh lý ảnh năm 1999, nay thuộc 1 phần thửa đất số 49 và đường tờ bản đồ số 2 (Bản đồ địa chính đo năm 2003), tọa lạc tại phường Thạnh Mỹ L. , Quận 2.

Ngày 19/7/2010, UBND Quận 2 ban hành Quyết định số 10293/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với hộ bà Nguyễn Thị B. (sau đây gọi tắt là Quyết định số 10293/QĐ-UBND) theo Bảng chiết tính số 51/TML ngày 01/6/2010. Theo đó, giá trị bồi thường, hỗ trợ thiệt hại như sau:

- Đất nông nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất:

3.597m^2 x 190.000đ/ m^2 = 683.430.000 đồng.

- Hỗ trợ đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư trong địa giới hành chính:

1.000m^2 x 3.500.000đ/m^2 x 50% = 1.750.000.000 đồng

- Bồi thường cây trồng, hoa màu: 0 đồng.

Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ thiệt hại: 2.433.430.000 đồng.

Không đủ điều kiện tái định cư.

Theo bà Bửu, tại thời điểm thu hồi giải tỏa để thực hiện dự án liên tỉnh lộ 25B giai đoạn 2 đất này đã được san lấp theo Giấy phép số 40/GP-UB-QLĐT ngày 05/4/2000 của UBND Quận 2 và có vị trí mặt tiền đường. Các Văn bản số 119/CV-UB-QLĐT ngày 27/02/1999, số 3321/KTST-ĐB2 ngày 26/3/1999 và Văn bản số 752/KTST-ĐB2 ngày 13/3/2001 của Văn phòng Kiến trúc sư trưởng TP. đã cho phép bà Bửu chuyển mục đích sử dụng đất. Do đó, giá đền bù là không thỏa đáng vì đất thu hồi có nguồn gốc là đất trong cùng một thửa có nhà ở và khi thu hồi đất thì yêu cầu UBND Quận 2 phải áp dụng hạn mức được hỗ trợ về đất đối với 26 hộ dân, tức bồi thường toàn bộ 3.597m^2 theo giá đất ở là 16.200.000đ/m^2.

Không đồng ý với Quyết định số 10293/QĐ-UBND, bà Bửu khiếu nại yêu cầu được bồi thường diện tích 3.597m^2 theo đơn giá 16.200.000đ/m^2. Ngày 16/9/2011, Chủ tịch UBND Quận 2 ban hành Quyết định số 12179/QĐ-UBND-TTr không chấp nhận nội dung khiếu nại của bà Bửu.

Nay bà Nguyễn Thị B. yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định số 10293/QĐ-UBND ngày 19/7/2010 của UBND Quận 2 và Quyết định số 12179/QĐ-UBND-TTr ngày 16/9/2011 của Chủ tịch UBND Quận 2 và yêu cầu

UBND Quận 2 tính lại hạn mức hỗ trợ đối với toàn bộ 3.597m^2 theo mức 40% giá đất ở 16.200.000đ/m^2.

- Tại Văn bản số 4679/UBND-BBT ngày 30/10/2015, người bị kiện UBND Quận 2 và Chủ tịch UBND Quận 2 trình bày:

UBND Quận 2 và Chủ tịch UBND Quận 2 không chấp nhận các yêu cầu của bà Nguyễn Thị B. yêu cầu giữ nguyên Quyết định số 10293/QĐ-UBND ngày 19/7/2010 về bồi thường hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng và Quyết định số 12179/QĐ-UBND-TTr ngày 16/9/2011 về giải quyết khiếu nại đối với hộ bà Nguyễn Thị B. vì đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và đúng chính sách bồi thường đối với bà Bửu.

Ngày 02/4/2002, UBND Quận 2 đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U451810, số vào sổ 02370/QSDĐ đối với diện tích 4.418m^2 gồm 02 thửa: thửa 1696 có diện tích 3.597m^2 và thửa số 1697 có diện tích 821m^2 đứng tên cá nhân bà Nguyễn Thị B. và xác định đây là đất nông nghiệp nên UBND Quận 2 áp dụng giá đất nông nghiệp là phù hợp. Đối với diện tích đất mà bà Bửu khởi kiện, từ trước đến nay chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng thành đất ở. Các văn bản của Văn phòng Kiến trúc sư trưởng mà phía người khởi kiện viện dẫn, nội dung chỉ thuận chủ trương, làm cơ sở để người khởi kiện tiến hành thương lượng đền bù, chưa có quyết định thu hồi đất và giao đất cho bà Bửu để thực hiện dự án đất ở như người đại diện của người khởi kiện trình bày. Đề nghị Tòa giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H. có ông Hà Ngọc T. đại diện theo ủy quyền trình bày: Thống nhất với trình bày và yêu cầu của bà Nguyễn Thị B. không có ý kiến nào khác.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan UBND phường Thạnh Mỹ L. trình bày: Giấy xác nhận pháp lý số 244/GXN-UBND ngày 04/6/2010 của UBND phường Thạnh Mỹ L. là có căn cứ. Thực tế, diện tích đất mà bà Nguyễn Thị B. khởi kiện là đất dùng để trồng lúa. Căn cứ vào sổ quản lý đất đai của phường Thạnh Mỹ L. thì diện tích 3.597m^2 cũng được kê khai là đất lúa. Vì vậy, trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U451810, số vào sổ 02370/QSDĐ ghi nhận loại đất lúa vừa có cơ sở thực tế vừa có cơ sở pháp lý. Trong quá trình quản lý đất đai, các ông, bà: Nguyễn Văn H. , Bùi Bảo Tâm, Nguyễn Thị Anh Nhi, Nguyễn Thị Việt Nga, Võ Thị Lệ Hồng, Nguyễn Hữu Bi, Lê Thị Thúy Quỳnh, Châu Ngọc Hòe, Quách Đình Dũng, Võ Hoàng Anh, Lê Thái Hòa, Nguyễn Thanh Sơn, Trần Hồng Hà, Nguyễn Hữu Trí, Thái Thị Ngọc, Nguyễn Xuân Minh, Trần Thị Hồng Châu, Nguyễn Đình Khiết, Nguyễn Thanh Tường, Huỳnh Kim Yến, Nguyễn Hữu Thường, Đào Thu Nga, Đào Hoàng Minh, Lê Thị Hoài Giang, Bùi Quang Lê Dũng, Phạm Khánh Biền, Nguyễn Chiến Thắng, Nguyễn Thị Giới, Vũ Bảo Trâm; Bùi Lê Hương có người đại diện hợp pháp là bà Lê Thị Hoài Giang, Bùi Xuân Tuyết Hồng; Nguyễn Đông Hưng, Huyền Tôn Nữ Minh Thuận, Trần Đường, Nguyễn Thanh Tâm, Nguyễn Văn Khấu, Trần Hồng Nga, Nguyễn Thanh Bình, Võ Liên Thanh, Nguyễn Thị Thu Thảo, Hoàng Thị Thùy Lan thực tế không hề sử dụng đất dưới bất kỳ hình thức

nào, cũng không thực hiện việc kê khai đăng ký hay nộp thuế nên không đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với bà Nguyễn Thị B. , do nhận chuyển nhượng đất trái phép nhưng đã bị xử phạt hành chính theo Quyết định số 383/QĐ-UB-QLĐT ngày 07/02/2002 của UBND Quận 2, bà Bửu đã chấp hành xong quyết định và là người trực tiếp thực hiện việc kê khai đăng ký sử dụng đất. Tại thời điểm xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 3.597m^2, 26 hộ dân đều đã ủy quyền cho bà Bửu kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và không ai tranh chấp về quyền sử dụng đất, nên bà Bửu đủ điều kiện để được UBND Quận 2 xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích Quận 2 có ông Trần Thanh An đại diện theo ủy quyền trình bày: Dự án bồi thường giải phóng mặt bằng và phục vụ xây dựng đường Liên tỉnh lộ 25B giai đoạn 2 do Công ty Quản lý và Phát triển nhà Quận 2, pháp nhân kế thừa là Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 2 là chủ đầu tư theo Quyết định số 3765/QĐ-STC- BVG ngày 08/5/2009 của Sở Tài chính TP. HCM. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B. , đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 06/2016/HC-ST ngày 22/02/2016 của Tòa án nhân dân Quận 2 đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, Điều 28; Điều 29; Điều 123; Điều 145, khoản 2 Điều 146, khoản 1 Điều 176 Luật Tố tụng hành chính.

Căn cứ Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐTP ngày 15/01/2015 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/07/2011 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ khoản 2, Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị B. về việc hủy Quyết định số 10293/QĐ-UBND ngày 19/7/2010 của UBND Quận 2 và Quyết định số 12179/QĐ-UBND-TTr ngày 16/9/2011 của Chủ tịch UBND Quận 2;

Các phần khác của Quyết định số 10293/QĐ-UBND ngày 19/7/2010 của UBND Quận 2 và Quyết định số 12179/QĐ-UBND-TTr ngày 16/9/2011 của Chủ tịch UBND Quận 2, các đương sự không khiếu kiện nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Ngày 29 tháng 02 năm 2016 bà Bửu có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do:

- Bà Bửu lập thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cuối năm 2001 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/4/2002. Toàn bộ diện tích đất 4.418m^2 đất đã được phép chuyển đổi mục đích sử dụng, xóa bỏ hiện trạng đất lúa và mặt bằng đã được san lấp không còn là đất ruộng nên phải bồi thường theo đơn giá đất ở.

- Theo Quyết định giao đất số 4660/QĐ-UB ngày 01/8/2001, số 4734/QĐ-UB ngày 03/8/2001, số 4877/QĐ-UB ngày 08/8/2001 và số 5304/QĐ-UB ngày 22/8/2001 của UBND TP. HCM đã giao quyền sử dụng đất cho nhiều cá nhân, hộ gia đình để xây dựng nhà ở theo danh sách đính kèm. Bà Nguyễn Thị B. chỉ là đại diện ủy quyền của 26 hộ dân thực hiện thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo giấy ủy quyền lập ngày 12/11/2001 và giấy xác nhận pháp lý số 244/UBND- XN ngày 04/6/2010 của UBND phường Thạnh Mỹ L. , Quận 2. Do đó khi xét hỗ trợ đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư trong địa giới hành chính phải áp dụng hạn mức đối với 26 hộ dân nên phải hỗ trợ đủ 3.597m^2 x 3.500.000đ/m^2 x 50%.

- Đề nghị sửa bản án sơ thẩm, tuyên hủy Quyết định số 10293/QĐ-UBND ngày 19/7/2010 của UBND Quận 2, Quyết định số 12179/QĐ-UBND-TTr ngày 16/9/2011 của Chủ tịch UBND Quận 2 và buộc UBND Quận 2 tính lại mức bồi thường và hỗ trợ về đất.

Ngày 07/3/2016, bà Bửu đã nộp tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số AC/2012/04208.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện hợp pháp của người kháng cáo bà Nguyễn Thị B. là ông Hà Ngọc T. trình bày:

+ Yêu cầu xem xét lại nguồn gốc đất, toàn bộ diện tích đất 3.597m^2 đất đã được phép chuyển đổi mục đích sử dụng, xóa bỏ hiện trạng đất lúa và mặt bằng đã được san lấp không còn là đất ruộng nên phải bồi thường theo đơn giá đất ở. Đề nghị áp dụng Nghị định 197 và Nghị định 84 để xem xét bồi thường.

+ UBND TP. HCM đã ban hành các Quyết định giao đất số 4660/QĐ-UB ngày 01/8/2001, số 4734/QĐ-UB ngày 03/8/2001, số 4877/QĐ-UB ngày 08/8/2001 và số 5304/QĐ-UB ngày 22/8/2001 giao quyền sử dụng đất cho 26 cá nhân, hộ gia đình để xây dựng nhà ở theo danh sách đính kèm, bà Bửu chỉ là đại diện ủy quyền thực hiện thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo giấy ủy quyền lập ngày 12/11/2001 và giấy xác nhận pháp lý số 244/UBND- XN ngày 04/6/2010 của UBND phường Thạnh Mỹ L. , Quận 2. Do đó khi xét hỗ trợ đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư trong địa giới hành chính phải áp dụng đối với 26 hộ dân nên yêu cầu tính lại hạn mức hỗ trợ là 3.597m^2 x 3.500.000đ/m^2 x 50%.

- Người bị kiện Chủ tịch UBND Quận 2 và UBND Quận 2 có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có ý kiến:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo và khởi kiện của bà Nguyễn Thị B. theo các lý do đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm. Vì, hiện trạng khi thu hồi đất là đất trống phù hợp với mục đích sử dụng là "đất lúa" theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U451810 đã cấp cho bà Nguyễn Thị B. . 26 hộ dân nêu trên không có quá trình sử dụng đất, không đứng tên trong giấy chứng nhận nên không thuộc đối tượng được hỗ trợ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn H. có người đại diện hợp pháp là ông Hà Ngọc T. trình bày: Thống nhất với yêu cầu của bà Bửu.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan UBND phường Thạnh Mỹ L. , Quận 2 và Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích Quận 2 vắng mặt.

- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM phát biểu ý kiến:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong giai đoạn phúc thẩm: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

2. Về kháng cáo của bà Nguyễn Thị B. : Theo các chứng cứ trong hồ sơ thể hiện các hộ dân có xin phép làm dự án xây nhà ở tại phường Thạnh Mỹ L. , Quận 2 và được UBND TP. duyệt, nhưng do dự án bị giải tỏa một phần để xây dựng đường Liên tỉnh 25 mới nên các hộ dân đã tự nguyện để lại 4.418m^2. Phần đất này bà Bửu được cấp giấy chứng nhận số U451810. Các hộ dân không có khiếu nại về giấy chứng nhận này. Tại biên bản hiệp thương bà Bửu đã thống nhất về tính pháp lý, nguồn gốc nhà đất chỉ không đồng ý về giá bồi thường, trên thực tế các hộ dân không trực tiếp canh tác sử dụng đất, không đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận, do đó yêu cầu hỗ trợ theo hạn mức cho 26 hộ dân là không có cơ sở. Đối với yêu cầu bồi thường theo giá đất ở là không có cơ sở vì bà Bửu có san lấp mặt bằng để trở thành đất ở nhưng chưa thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng theo quy định tại Điều 36 Luật đất đai nên chưa đủ điều kiện. Bà Bửu được cấp giấy chứng nhận theo hiện trạng sử dụng là đất Lúa nên việc UBND Quận 2 bồi thường theo phương án đã được phê duyệt là đúng. UBND Quận 2 áp dụng đơn giá đất trồng cây lâu năm là 190.000 đồng/m^2 là áp dụng có lợi cho bà Bửu. Không có cơ sở chấp nhận kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015 bác toàn bộ kháng cáo của bà Nguyễn Thị B. và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ trình bày của các đương sự; ý kiến của người bảo vệ

quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện; ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị B. khởi kiện đối với Quyết định số 10293/QĐ-UBND ngày 19/7/2010 của UBND Quận 2 về bồi thường hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng và Quyết định giải quyết khiếu nại số 12179/QĐ-UBND-TTr ngày 16/9/2011 của Chủ tịch UBND Quận 2 là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai được ban hành đối với hộ bà Nguyễn Thị B. .

Ngày 26/10/2011, bà Bửu nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận 2. Xét, tại Điều 3 Nghị quyết số 56/2010/QH12 ngày 24/10/2010 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc thi hành Luật tố tụng hành chính quy định: "*Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày Luật tố tụng hành chính có hiệu lực, người khiếu nại đã thực hiện việc khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai đến Chủ tịch UBND huyện, quận, thị xã, TP. thuộc tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, TP. trực thuộc trung ương từ ngày 01 tháng 6 năm 2006 đến ngày Luật này có hiệu lực, nếu khiếu nại không được giải quyết hoặc đã được giải quyết nhưng người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại thì có quyền khởi kiện tại Tòa án nhân dân theo quy định của Luật tố tụng hành chính"*. Bà Bửu đã thực hiện việc khiếu nại quyết định số 10293/QĐ-UBND ngày 19/7/2010 của UBND Quận 2 và được Chủ tịch UBND Quận 2 giải quyết tại quyết định số 12179/QĐ-UBND-TTr ngày 16/9/2011 của Chủ tịch UBND Quận 2. Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại nên bà Bửu khởi kiện tại Tòa án là trong thời hiệu khởi kiện do đó Tòa án nhân dân Quận 2 thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định tại Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐTP ngày 15/01/2015 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/07/2011 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật tố tụng hành chính và khoản 1 Điều 28 Luật Tố tụng hành chính năm 2010; Điều 3, Điều 30, Điều 31, Điều 115, điểm a, khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị B. đã nộp đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí đúng thời hạn quy định tại Điều 204, 205, 206 Luật tố tụng hành chính năm 2015 nên là hợp lệ.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của UBND Quận 2 và Chủ tịch UBND Quận 2 là ông Huỳnh Thanh Khiết - Phó Chủ tịch vắng mặt nhưng trước đó đã có lời khai tại Tòa án, đồng thời có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ theo Khoản 1 Điều 158 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa vắng mặt đương sự.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND phường Thạnh Mỹ L. , Quận 2 và Công ty TNHH MTV DVCI Quận 2 vắng mặt nhưng trước đó đã có lời khai, đồng thời có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ theo Khoản 1 Điều 158 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa vắng mặt đương sự.

- Do Quyết định số 10293/QĐ-UBND ngày 19/07/2010 về bồi thường hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng và Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 12179/QĐ-UBND-TTr ngày 16/09/2011 của Chủ tịch UBND Quận 2 tác động trực tiếp đến hộ bà Nguyễn Thị B. do đó Tòa án nhân dân Quận 2 không đưa 26 hộ dân vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung kháng cáo:

Người khởi kiện bà Bửu kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân TP. HCM sửa bản án sơ thẩm tuyên hủy Quyết định số 10293/QĐ-UBND ngày 19/7/2010 của UBND Quận 2 về bồi thường hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng và Quyết định giải quyết khiếu nại số 12179/QĐ-UBND-TTr ngày 16/9/2011 của Chủ tịch UBND Quận 2 vì : *Bà Bửu đã lập thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cuối năm 2001 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/4/2002, toàn bộ diện tích đất 4.418m^2 đất đã được phép chuyển đổi mục đích sử dụng, xóa bỏ hiện trạng đất lúa và mặt bằng đã được san lấp không còn là đất ruộng nên phải bồi thường theo đơn giá đất ở. UBND TP. HCM đã ban hành các Quyết định giao đất số 4660/QĐ-UB ngày 01/8/2001, số 4734/QĐ-UB ngày 03/8/2001, số 4877/QĐ-UB ngày 08/8/2001 và số 5304/QĐ-UB ngày 22/8/2001 giao quyền sử dụng đất cho cá nhân, hộ gia đình để xây dựng nhà ở theo danh sách đính kèm, bà Bửu chỉ là đại diện ủy quyền của 26 hộ dân thực hiện thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo giấy ủy quyền lập ngày 12/11/2001 và giấy xác nhận pháp lý số 244/UBND- XN ngày 04/6/2010 của UBND phường Thạnh Mỹ L. , Quận 2. Do đó khi xét hỗ trợ đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư trong địa giới hành chính phải tính hạn mức đối với 26 hộ dân nên yêu cầu tính lại hạn mức hỗ trợ là 3.597m^2 x 3.500.000đ/m^2 x 50%.* Xét kháng cáo của bà Bửu, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

3.1. Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành các quyết định:

3.1.1. Quyết định số 10293/QĐ-UBND ngày 19/7/2010:

- Ngày 27/12/2005, Chủ tịch UBND Quận 2 ban hành Quyết định số 5960/QĐ-UBND-NV về việc thành lập Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Liên Tỉnh lộ 25B, giai đoạn 2 do Công ty Quản lý và Phát triển Nhà quận 2 làm Chủ đầu tư. Được UBND TP. chấp thuận theo Công văn số 2060/UBND-ĐT ngày 05/4/2006 và số 6253/UBND-ĐTMT ngày 21/9/2007.

- Ngày 18/3/2008 và ngày 05/6/2008, UBND TP. ban hành Công văn số 1740/UBND-ĐTMT và số 3485/UBND-ĐTMT về đơn giá đất để tính bồi

thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Liên Tỉnh lộ 25B, giai đoạn 2.

- Ngày 08/5/2009, Sở Tài chính TP. ban hành Quyết định số 3765/QD-STC-BVG về duyệt dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng phục vụ xây dựng đường Liên Tỉnh lộ 25B, giai đoạn 2.

- Ngày 12/6/2009, UBND Quận 2 ban hành Quyết định số 8610/QĐ-UBND về duyệt Phương án tổng thể về bồi thường hỗ trợ và tái định cư số 1902/PATT-HĐBT ngày 10/6/2009 của Hội đồng bồi thường dự án về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng phục vụ xây dựng đường Liên Tỉnh lộ 25B, giai đoạn 2 do Công ty Quản lý và Phát triển Nhà quận 2 làm Chủ đầu tư.

- Ngày 23/6/2009, UBND Quận 2 đã họp dân để công bố pháp lý và công bố phương án tổng thể của dự án đến các hộ dân.

- Ngày 25/6/2009, Chủ tịch UBND Quận 2 ban hành Quyết định số 9169/QĐ-UBND về kiện toàn nhân sự Tổ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Liên Tỉnh lộ 25B, giai đoạn 2.

- Ngày 06/8/2009, UBND TP. ban hành Quyết định số 3741/QĐ-UBND về thu hồi đất để tổ chức bồi thường giải phóng mặt bằng chuẩn bị đầu tư dự án đường Liên Tỉnh lộ 25B, giai đoạn 2 tại các phường An Phú, Bình Trưng Tây, Thạnh Mỹ L. và phường Cát Lái, Quận 2.

- Ngày 14/9/2009, Hội đồng thẩm định bồi thường TP. có Công văn số 9087/STC-HĐTĐBT-BVG về thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng dự án xây dựng tuyến đường Liên Tỉnh lộ 25B, giai đoạn 2.

- Ngày 29/01/2010, UBND TP. có Công văn số 469/UBND-ĐTMT về thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trong dự án đầu tư xây dựng Liên Tỉnh lộ 25B, giai đoạn 2 trên địa bàn Quận 2. Theo đó, UBND TP. chấp thuận theo đề nghị của Sở Tài chính TP. tại Văn bản số 943/STC-BVG ngày 27/01/2010 về thực hiện dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng phục vụ xây dựng đường Liên Tỉnh lộ 25B, giai đoạn 2.

- Ngày 13/3/2010, UBND Quận 2 ban hành Quyết định số 3131/QĐ-UBND về duyệt Phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư số 42/PA-HĐBT ngày 12/3/2010 của Hội đồng bồi thường dự án về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng phục vụ xây dựng đường Liên Tỉnh lộ 25B, giai đoạn 2 do Công ty Quản lý và Phát triển Nhà quận 2 làm Chủ đầu tư.

- Ngày 23/3/2010, UBND TP. có Công văn số 1243/UBND-ĐTMT về đơn giá đất ở trung bình của khu vực đất thu hồi trong dự án xây dựng Liên Tỉnh lộ 25B, giai đoạn 2.

- Ngày 19/7/2010 UBND Quận 2 ban hành Quyết định số 10293/QĐ-UBND về bồi thường hỗ trợ thiệt hại giải phóng mặt bằng đối với hộ bà Nguyễn Thị B. trong thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường Liên Tỉnh lộ 25B, giai

đoạn 2 đã được Chủ tịch UBND Quận 2 phê duyệt tại Quyết định số 3131/QĐ-UBND ngày 13/3/2010.

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật đất đai 2003, Điều 53 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ, Điều 25 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/08/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ và tái định cư thì UBND Quận 2 đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành Quyết định số 10293/QĐ-UBND ngày 19/7/2010.

3.1.2. Về Quyết định số 12179/QĐ-UBND-TTr ngày 16/9/2011:

Do có đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị B. nên Chủ tịch UBND Quận 2 ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 12179/QĐ–UBND–TTr ngày 16/9/2011 là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo Điều 20 Luật khiếu nại tố cáo sửa đổi, bổ sung năm 2005.

3.2. Về nội dung các quyết định:

- Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U451810 số vào sổ 02370/QSDĐ do UBND Quận 2 cấp cho bà Nguyễn Thị B. ngày 02/4/2002 thể hiện diện tích 4.418m^2 đất gồm hai thửa số 1696 có diện tích 3.597m^2 và số 1697 có diện tích 821m^2, mục đích sử dụng "Lúa".

- Căn cứ trình bày của các đương sự thể hiện kể từ khi được cấp giấy chứng nhận cho đến khi nhà nước thu hồi đất bà Bửu không có khiếu nại đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U451810 có mục đích sử dụng là đất "Lúa" và cũng không có người nào khác có khiếu nại về việc UBND Quận 2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng 4.418m^2 đất cho bà Bửu.

- Căn cứ Biên bản kiểm kê hiện trạng ngày 22/4/2009 tại thửa đất số 1696 có diện tích 3.597m^2 không có nhân khẩu cư trú, vật kiến trúc, hoa màu và theo Bản đồ vị trí số 13/ST-2009 do Công ty cổ phần đầu tư tư vấn xây dựng Sơn Trà lập ngày 16/3/2009 phục vụ cho công tác bồi thường thể hiện là đất trống.

- Căn cứ Phần B, Mục I, tiểu mục 2.1, 5.2 của Phương án bồi thường số 42/PA-HĐBT ngày 12/3/2010 của Hội đồng bồi thường dự án Liên tỉnh lộ 25B (giai đoạn 2) thì thửa đất bà Bửu bị thu hồi có mục đích sử dụng là đất "Lúa" nên UBND Quận 2 áp dụng giá đất nông nghiệp để bồi thường đồng thời do đất có vị trí đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường nên áp dụng hạn mức hỗ trợ tối đa đối với cá nhân bà Bửu là 1.000m^2 là đúng quy định tại khoản 3 Điều 41 Luật đất đai 2003, Điều 43 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/207 của Chính phủ quy định về hỗ trợ đối với đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư và đất vườn, ao liền kề với đất ở trong khu dân cư khi Nhà nước thu hồi đất.

- Đối với ý kiến của ông Tuyền đại diện bà Bửu đề nghị áp dụng đơn giá đất ở là 16.200.000 đồng/m^2 để tính giá trị bồi thường vì thửa đất đã có Giấy phép san lấp số 40/GP-UB-QLĐT do UBND Quận 2 ngày 05/4/2000. Xét ý kiến trên Hội đồng xét xử nhận thấy: Thửa số 1696 có diện tích 3.597m^2 có mục đích sử dụng "Lúa", trường hợp muốn được công nhận là đất ở thì bà Bửu phải thực

hiện thủ tục yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất và phải được UBND Quận 2 chấp thuận đồng thời phải thực hiện xong nghĩa vụ nộp thuế chuyển mục đích sử dụng đất mới được công nhận là đất ở. Do đó yêu cầu trên là không có cơ sở.

- Đối với ý kiến của ông Tuyền đại diện bà Bửu đề nghị xác định 26 hộ dân cùng là đối tượng được bồi thường khi UBND Quận 2 thu hồi 3.597m^2 đất để thực hiện dự án. Xét, căn cứ xác minh của chính quyền địa phương thì 26 hộ dân nói trên không có quá trình sử dụng đất, không được cơ quan có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng đất do đó không có căn cứ xác định phần đất bị thu hồi thuộc quyền sử dụng của 26 hộ dân nêu trên. Do đó yêu cầu trên là không có cơ sở.

- Đối với ý kiến của ông Tuyền về việc yêu cầu UBND Quận 2 hỗ trợ đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư trong địa giới hành chính đối với bà Bửu là toàn bộ 3.597m^2 x 3.500.000đ/m^2 x 50% với lý do: "*thửa đất số 1696 đã được UBND TP. HCM đồng ý cho 26 hộ dân chuyển mục đích sử dụng làm đất ở theo các Quyết định giao đất số 4660/QĐ-UB ngày 01/8/2001, số 4734/QĐ-UB ngày 03/8/2001, số 4877/QĐ-UB ngày 08/8/2001 và số 5304/QĐ-UB ngày 22/8/2001 do đó các hộ dân cùng được quyền sử dụng đất nên phải áp dụng hạn mức hỗ trợ đối với 26 hộ dân*". Xét, nội dung các quyết định trên thể hiện UBND TP. có đồng ý cho các hộ dân được chuyển mục đích sử dụng làm đất ở đối với các thửa đất số 183, 184, 185, 186,187, 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 198, 199, 238, bản đồ số 12 (tài liệu chỉnh lý ảnh năm 1990), xã Bình Trưng, huyện Thủ Đức nay thuộc các thửa 607, 609, 613, 614, 615, 616, 618, 622, 621, 622, 623, 624, 625, 626, 627, 628, 629, 630, 631, 632, 633, 634, 635, 636, 643, 644, 645, 646, 647, 636, 637, 638, 639, 640, 641, 642, 643, 644, 645, phường Thạnh Mỹ L. quận 2. Riêng phần diện tích đất 3.597m^2 thuộc một phần thửa 1692, tờ bản đồ số 12 (tài liệu chỉnh lý ảnh năm 1990), nay thuộc một phần thửa 49, đường (diện tích 99,05m^2) và mương, tờ bản đồ số 02, phường Thạnh Mỹ L. , Quận 2 (theo Bản đồ địa chính năm 2003) nằm trong phạm vi giải tỏa dự án xây dựng đường Liên Tỉnh lộ 25B, giai đoạn 2 do Công ty Quản lý và Phát triển Nhà quận 2 làm Chủ đầu tư theo Quyết định số 3741/QĐ-UBND ngày 06/8/2009 của UBND thành phố. Như vậy cho thấy yêu cầu trên là không có cơ sở.

3.3. Do Quyết định số 10293/QĐ-UBND ngày 19/7/210 của UBND Quận 2 về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư cho hộ bà Nguyễn Thị B. thực hiện đúng quy định pháp luật nên Quyết định số 12719/QĐ-UBND ngày 16/9/2011 của Chủ tịch UBND Quận 2 về giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị B. là có cơ sở pháp luật.

Từ những nhận định trên, xét thấy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị B. , do đó bản án của Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu của người khởi kiện bà Bửu về việc hủy Quyết định số 10293/QĐ-UBND của UBND Quận 2 và Quyết định số 12719/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND Quận 2 là có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM cũng đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Bửu, giữ nguyên

quyết định của bản án sơ thẩm. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[4] Về án phí: Do Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên án phí hành chính sơ thẩm được giữ nguyên và người kháng cáo là bà Nguyễn Thị B. phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 158; Khoản 4 Điều 225; Khoản 1 Điều 241; Điều 242; Khoản 1 Điều 349 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 2 Phần III Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH)

Tuyên xử:

[1] Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị B. , giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2016/HCST ngày 22/02/2016 của Tòa án nhân dân Quận 2, cụ thể như sau:

Căn cứ khoản 1, Điều 28; Điều 29; Điều 123; Điều 145, khoản 2 Điều 146, khoản 1 Điều 176 Luật Tố tụng hành chính.

Căn cứ Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐTP ngày 15/01/2015 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/07/2011 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ khoản 2, Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị B. về việc hủy Quyết định số 10293/QĐ-UBND ngày 19/7/2010 của UBND Quận 2 và Quyết định số 12179/QĐ-UBND-TTr ngày 16/9/2011 của Chủ tịch UBND Quận 2;

2. Các phần khác của Quyết định số 10293/QĐ-UBND ngày 19/7/2010 của UBND Quận 2 và Quyết định số 12179/QĐ-UBND-TTr ngày 16/9/2011 của Chủ tịch UBND Quận 2, các đương sự không khiếu kiện nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét.

3. Về án phí: Án phí Hành chính sơ thẩm 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) bà Nguyễn Thị B. phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) bà Bửu đã nộp theo Biên lai thu tiền số 07930 ngày

01/11/2011 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2. Bà Bửu đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

[2] Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị B. phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn đồng) đồng, nhưng được trừ vào số tiền đã tạm nộp theo biên lai thu AC/2012/04208 ngày 07/3/2016 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận 2, bà Bửu đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

[3] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Tòa án nhân dân Quận 2;
- Chi cục THADS Quận 2;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Nam Bình